

AN NINH NĂNG LƯỢNG THẾ GIỚI NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XXI

NGUYỄN MINH MÃN*

TÓM TẮT

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, năng lượng và an ninh năng lượng đã trở thành vấn đề quan tâm của toàn thế giới. Nhu cầu sử dụng năng lượng tăng trong khi trữ lượng ngày càng giảm đã làm cho tình hình năng lượng và an ninh năng lượng có nhiều biến động bất thường. Nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, một số nước đã đề ra chính sách an ninh năng lượng cho mình; trong đó, chính sách “ngoại giao năng lượng” bước đầu được một số nước áp dụng.

Từ khóa: năng lượng, an ninh năng lượng, ngoại giao năng lượng.

ABSTRACT

The world's energy security in the early years of XXI century

In the early years of XXI century, energy and energy security have become the issues of global concern. The conflict between the increasing demand for use and the decline in energy reserves evokes inevitable fluctuations in this field. To ensure national energy security, some countries have strategically set security policies for their energy. As one of these policies, “energy diplomacy” has been initially applied in some countries.

Keywords: energy, energy security, energy diplomacy.

1. Khái niệm an ninh năng lượng

An ninh năng lượng là một lĩnh vực quan trọng của an ninh kinh tế quốc gia. Nó trực tiếp ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và khả năng duy trì sự phát triển và ổn định xã hội. Thuật ngữ *an ninh năng lượng* xuất hiện trong hệ thống từ ngữ hiện đại từ thập niên 50 của thế kỉ XX. Trước đó, nguồn năng lượng chủ yếu cung cấp cho các ngành công nghiệp là than đá, do trữ lượng than đá dồi dào và phân bố nhiều nơi, nền công nghiệp của các nước Âu Mỹ thời gian này tiêu hao năng lượng không nhiều nên nhu cầu năng lượng vẫn còn được đảm bảo.

Từ thập niên 50 của thế kỉ XX trở đi, khả năng cung ứng và nhu cầu năng

lượng của thế giới có nhiều thay đổi lớn theo đà phát triển của nền công nghiệp thế giới và cuộc sống nhân loại. Kết cấu các nguồn năng lượng trên thế giới đã có những chuyển biến rõ rệt, than đá chiếm tỉ lệ 60% nguồn năng lượng ở thập niên 50 đã giảm xuống 24% vào năm 2000; dầu mỏ và khí thiên nhiên lại tăng từ 37,4% lên 61% [9, tr.20]. Dầu mỏ dần thay thế than đá để thành nguồn năng lượng chủ yếu của nhân loại. Sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ do chiến tranh năm 1973, nguy cơ thiếu hụt dầu mỏ trở thành vấn đề quan trọng đối với các quốc gia phát triển. Năm 1974, Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) được thành lập, đề xuất khái niệm an ninh năng lượng với trọng tâm là ổn định nguồn cung ứng và giá cả dầu mỏ.

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

An ninh năng lượng tuy là một lĩnh vực mới, nhưng nội hàm an ninh năng lượng cũng theo đà phát triển kinh tế xã hội, những thay đổi giữa con người và thiên nhiên mà có những điều chỉnh nhất định. Thời gian đầu, an ninh năng lượng chỉ được hiểu một cách đơn giản là có nguồn cung cấp năng lượng ổn định, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển kinh tế một quốc gia. Ý nghĩa trên cho thấy tính ổn định của nguồn cung cấp trở thành mục tiêu cơ bản của an ninh năng lượng quốc gia.

Từ thập niên 80 của thế kỉ XX trở đi, sự nóng dần lên của trái đất và sự thay đổi của khí hậu toàn cầu làm cho con người nhận thức được vấn đề quan trọng của môi trường đối với nhân loại. Các quốc gia phát triển dần thay đổi cách nhìn về an toàn năng lượng. Trong chiến lược phát triển năng lượng, các quốc gia đều tăng cường khái niệm sử dụng năng lượng an toàn; cho nên, sử dụng an toàn năng lượng trở thành vấn đề quan trọng tác động đến môi trường sinh thái của con người. Có thể nói, đến thời kì này, nội hàm an ninh năng lượng đã thay đổi, an ninh năng lượng được xem là vấn đề tồn tại song song với duy trì sự phát triển ổn định và bền vững. An ninh năng lượng đối với một quốc gia khu vực hiện nay phải gắn liền với duy trì phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và đảm bảo trạng thái môi trường.

Hiện nay, khi nói đến an ninh năng lượng thì mọi người thường nghĩ đến an ninh dầu lửa. Thực tế cho thấy, từ sau thập niên 50 của thế kỉ XX, dầu lửa chiếm 61% các nguồn năng lượng mà

con người sử dụng. Do đó, đối với các quốc gia trên thế giới, đảm bảo an ninh dầu lửa là một bộ phận quan trọng của đảm bảo an ninh năng lượng.

Như vậy, thuật ngữ an ninh năng lượng hiện nay không đơn thuần là chỉ các nguồn cung cấp năng lượng (*chủ yếu là dầu lửa*) đảm bảo như những thập kỉ trước đây mà còn được hiểu một cách toàn diện, bao quát hơn là phải bảo đảm công tác bảo vệ môi trường, giá cả hợp lí và khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp phát sinh từ các nhân tố kinh tế, chính trị bên trong và bên ngoài một quốc gia. Trong đó, giá cả hợp lí là mức giá dựa trên quy luật thị trường cơ bản, có tính đến nhu cầu, khả năng cung cấp và cách tiếp cận mà các quốc gia khác nhau sử dụng để giải quyết vấn đề năng lượng.

2. Tình hình năng lượng thế giới và những biến động của an ninh năng lượng trong những năm gần đây

2.1. Tình hình năng lượng thế giới

Năm 1956, Viện Khoa học địa chất Hoa Kỳ đã dự báo sản lượng dầu mỏ của Hoa Kỳ sẽ đạt đến đỉnh cao vào thập niên 60 hoặc 70 của thế kỉ XX, nhưng thực tế cho thấy sản lượng dầu của Hoa Kỳ đã sụt giảm từ đầu thập niên 70. Các nhà khoa học còn dự đoán với tốc độ tiêu hao dầu lửa như vậy thì đến cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI thế giới sẽ chính thức bước vào giai đoạn “khát dầu mỏ”. Dự đoán này đã được thực tế chứng minh.

Thập niên 60-70 của thế kỉ XX, nguồn cung cấp dầu mỏ trên thế giới ổn định, theo đà phát triển của kĩ thuật thăm dò và khai thác, các mỏ dầu có trữ lượng lớn được phát hiện ngày càng nhiều, vượt

cả nhu cầu sử dụng của các quốc gia trên thế giới.

Từ năm 1971 đến năm 1996, tổng sản lượng dầu mỏ toàn thế giới là 806,4 tỉ tấn, nhưng trữ lượng mới chỉ đạt 1610 tỉ tấn. Trữ lượng dầu mỏ thăm dò từ 729,4 tỉ tấn (năm 1971) tăng lên 1567 tỉ tấn (năm 2003¹). Căn cứ thống kê của Tạp chí Dầu khí Hoa Kỳ, vào thời điểm tháng 1 năm 2004, trữ lượng thăm dò khai thác dầu mỏ thế giới là 1733,99 tỉ tấn, trong đó trữ lượng của Canada chiếm 245,06 tỉ tấn, đứng thứ 2 trên thế giới. Ngoài ra, theo thống kê của Công ty Dầu khí Anh Quốc (BP), trữ lượng khí thiên nhiên thăm dò của thế giới tăng từ 926 800 tỉ tấn (năm 1983) lên 1 750 780 tỉ tấn (năm 2003), tăng gần gấp đôi trong vòng 20 năm. Năm 2000, Cục Điều tra Địa chất Hoa Kỳ đã công bố đánh giá mới nhất về sản lượng khí thiên nhiên; cho thấy nguồn năng lượng này hiện chiếm 12% năng lượng toàn cầu.

Về khai thác dầu mỏ, trình độ khai thác các giếng dầu chỉ đạt tỉ lệ 60-80%, các giếng dầu khai thác lần thứ nhất chiếm khoảng 15%, các giếng dầu khai thác lần thứ hai chiếm khoảng 30%, còn khoảng 70-85% giếng dầu chưa được khai thác. Các nhà hoạch định chính sách dầu mỏ cũng chỉ ra trong vòng 5-10 năm nữa các giếng dầu (DOFF) sẽ cung cấp trữ lượng 1250 tỉ thùng dầu² cho thế giới. Theo báo cáo của IEA³, năm 2002, mỗi ngày thế giới tiêu thụ hết 78 triệu thùng dầu. Đến 2015 con số đó sẽ là 103 triệu thùng/ngày và 2025 sẽ là 119 triệu thùng/ngày. Nếu lấy trữ lượng toàn thế giới chia cho nhu cầu các thời điểm trên

thì dầu lửa chỉ đáp ứng nhu cầu của nhân loại đến năm 2050. [2, tr.5]

Sản lượng dầu mỏ hiện nay chủ yếu tập trung ở các nước thành viên của OPEC⁴. Năm 2003, sản lượng dầu mỗi ngày của các nước thành viên OPEC tăng 1,88 triệu thùng, với tổng sản lượng mỗi năm đạt 14,67 tỉ tấn, tăng 6,6% so với năm 2002 và tăng 12,6% so với năm 1993, chiếm 39,7% tổng sản lượng dầu toàn thế giới. Trong đó, Arab Saudi cung cấp sản lượng dầu mỗi ngày 9,817 triệu thùng. Các quốc gia khác trong tổ chức OPEC cũng có khả năng cung cấp từ 500 nghìn đến 1 triệu thùng dầu ngày. Do đó, những biến động giá cả của tình hình dầu mỏ thế giới đều chịu ảnh hưởng từ sản lượng các nước trong khối OPEC.

Các nước không nằm trong tổ chức OPEC tăng trưởng có hạn, năm 2003 các nước này có sản lượng dầu mỏ mỗi ngày đạt 830 nghìn thùng dầu. Trong đó, Liên bang Nga giữ vai trò quan trọng với tốc độ khai thác tăng 11% mỗi năm và chiếm tỉ lệ 11,4% sản lượng dầu thế giới. Ngoài ra, sản lượng dầu của các quốc gia nằm trong tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đang có xu hướng giảm dần. Các nước có sản lượng dầu mỏ giảm nhiều nhất là Anh với 220 nghìn thùng mỗi ngày, tiếp đến là Mỹ 170 nghìn thùng mỗi ngày. Chỉ có Mexico và Canada là hai quốc gia có sản lượng dầu tăng trưởng với sản lượng 100 nghìn thùng ngày. Theo thống kê mới nhất của IEA, tỉ lệ sản xuất dầu của tất cả các khu vực trên thế giới đều có sự thay đổi theo từng năm, điều này chứng tỏ nhu cầu dầu lửa của thế giới cũng thay đổi theo thời gian.

Tổng số giá trị dầu lửa của từng nhóm quốc gia [10, tr.14]
Đơn vị: tỉ đôla

| Khu vực | 2006 | 2010 | 2015 | 2020 | 2025 | 2030 | Tỉ lệ thay đổi trung bình hàng năm |
|------------------------------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|----------------|------------------------------------|
| OECD | 35,221 | 37,133 | 42,403 | 47,466 | 52,996 | 59,264 | 2,2 |
| Bắc Mỹ | 15,331 | 16,073 | 18,789 | 21,341 | 24,283 | 27,802 | 2,5 |
| Châu Âu | 14,224 | 15,015 | 16,839 | 18,811 | 20,894 | 23,105 | 2,0 |
| Châu Á | 5,667 | 6,045 | 6,775 | 7,314 | 7,819 | 8,357 | 1,6 |
| Không phải OECD | 24,717 | 31,723 | 41,529 | 52,907 | 65,062 | 78,220 | 4,9 |
| Châu Âu-lục địa Âu Á | 3,159 | 3,940 | 4,865 | 5,725 | 6,536 | 7,381 | 3,6 |
| Châu Á | 13,408 | 17,934 | 24,606 | 32,726 | 41,428 | 50,834 | 5,7 |
| Trung Đông | 2,053 | 2,484 | 3,030 | 3,621 | 4,300 | 5,102 | 3,9 |
| Châu Phi | 2,341 | 2,870 | 3,612 | 4,384 | 5,182 | 5,958 | 4,0 |
| Trung và Nam Mỹ | 3,757 | 4,495 | 5,415 | 6,450 | 7,615 | 8,945 | 3,7 |
| Tổng số trên thế giới | 59,939 | 68,856 | 83,932 | 100,373 | 118,058 | 137,484 | 3,5 |

Bên cạnh đó, nhu cầu khí đốt thiên nhiên của thế giới cũng tăng mạnh. Theo báo cáo năm 2009, EIA đã dự báo nhu cầu khí đốt thiên nhiên năm 2010 sẽ tăng gấp đôi so với nhu cầu năm 2006. Các nước có trữ lượng khí thiên nhiên lớn như Nga, Mỹ, Nigeria đang cắt dần các khoản xuất khẩu để đảm bảo an ninh quốc gia. Một phần lớn khí đốt thiên nhiên được dùng để sản xuất điện do hiệu quả sử dụng của nó cao hơn các loại nguyên liệu khác và không làm tăng hiệu ứng nhà kính. Theo dự báo của IEA, lượng khí đốt trên toàn thế giới chỉ còn

khả năng cung cấp cho nhu cầu nhân loại thêm 60 năm nữa.

Theo báo cáo “Triển vọng năng lượng thế giới năm 2004” của IEA, trong vòng 10 trở lại đây sản lượng sử dụng khí thiên nhiên đã vượt qua sản lượng sử dụng than đá. Đến năm 2030, sản lượng sử dụng khí thiên nhiên toàn cầu sẽ có thay đổi lớn [1, tr.108-109]. Theo cơ quan năng lượng quốc gia Mỹ, khí thiên nhiên là nguồn năng lượng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, từ năm 2001 đến năm 2025, sản lượng khí thiên nhiên tăng trưởng 67%, dự báo đến 2025 sẽ đạt đến

4,28 tỉ mét khối, tăng 12% so với sản lượng than đá.

Nhu cầu về than đá của các quốc gia phát triển trên thế giới trong những năm gần đây cũng tăng cao. Ngoại trừ khu vực Tây Âu đang có xu hướng chuyển sang sử dụng khí đốt thiên nhiên để sản xuất điện, các quốc gia còn lại đều có nhu cầu cao về than đá để phục vụ cho nền công nghiệp của nước mình. Hai quốc gia có nhu cầu than đá nhiều nhất là Trung Quốc và Ấn Độ với 72% nhu cầu gia tăng than đá thế giới và 87% nhu cầu than đá của các quốc gia đang phát triển. Theo thống kê của IEA, trữ lượng than đá trên toàn thế giới khoảng trên dưới 1000 tỉ tấn, đủ khả năng cung cấp cho nhu cầu con người trong vòng 200 năm nữa.

Than đá là nguyên liệu chủ yếu của công nghiệp điện lực và sản xuất gang thép. Trước mắt, trên phạm vi toàn cầu công nghiệp điện lực và sản xuất gang thép vẫn giữ vai trò chủ yếu trong các ngành công nghiệp nặng. Ở hầu khắp các khu vực, than đá được dùng chủ yếu để sản xuất điện, chiếm tỉ trọng 37% nguyên liệu tạo ra điện. Trước nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng cao, áp lực về sản lượng than đá trong những năm tới sẽ là rất lớn đối với ngành công nghiệp khai khoáng của thế giới.

Để đáp ứng nhu cầu năng lượng, con người đã khai thác quá mức các nguồn năng lượng truyền thống như dầu lửa, khí thiên nhiên, than đá... Sự cạn kiệt của các nguồn năng lượng là điều không tránh khỏi trong tương lai. Nhưng trước mắt, năng lượng không ngừng tác

động đến cuộc sống con người dưới nhiều góc độ khác nhau - trong đó có lĩnh vực kinh tế.

2.2. Những biến động của an ninh năng lượng trong những năm gần đây

Sự phân bố không đồng đều trữ lượng dầu mỏ giữa các quốc gia làm cho vấn đề an ninh năng lượng trở nên phức tạp. Theo thống kê, ba khu vực có trữ lượng dầu mỏ nhiều nhất thế giới là Trung Đông - Bắc Phi, Trung Á và Bắc Mỹ chiếm 82,3% trữ lượng dầu mỏ thế giới. Trong đó trữ lượng của khu vực Trung Đông chiếm 64%; tỉ lệ của châu Mỹ, châu Phi, Nga và khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần lượt là 14%, 7%, 4,8% và 4,27% [8, tr.10]. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, hầu hết các khu vực sản xuất dầu mỏ lớn đều nằm trong tầm kiểm soát của Mỹ, mặt khác Mỹ cũng là quốc gia sử dụng dầu mỏ nhiều nhất với 50% lượng dầu xuất khẩu trên thế giới. Hiện nay, việc kiểm soát xuất khẩu dầu mỏ là rất quan trọng, đặc biệt là Trung Đông, khu vực này có ảnh hưởng lớn đến nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Trung Quốc.

Mỹ và Trung Quốc đang cố tìm cách gây ảnh hưởng tại châu Phi, nơi có trữ lượng dầu mỏ đứng thứ 2 trên thế giới chỉ sau khu vực Trung Đông, Trung Á và châu Mỹ. châu Phi trở thành “miếng mồi ngon” giữa Mỹ và Trung Quốc khi sản lượng tại đây hứa hẹn dồi dào hơn so với các khu vực truyền thống, mặt khác hàm lượng sunphua trong dầu thô ở châu Phi tương đối thấp nên rất có giá trị khi xuất khẩu. Sự “chạy đua” tìm kiếm nguồn

năng lượng giữa Mỹ và Trung Quốc làm cho tình hình chính trị trên thế giới thêm phức tạp và dẫn đến diễn biến của an ninh năng lượng trong những năm gần đây.

Thực tế cho thấy, nhu cầu năng lượng toàn cầu gia tăng từng ngày nhưng không đồng đều giữa các quốc gia và ngành công nghiệp. Nhu cầu năng lượng lớn nhất thuộc về các quốc gia đang phát triển, chiếm khoảng 2/3 nhu cầu năng lượng thế giới. Trong nhóm này Trung Quốc đứng đầu về nhu cầu dầu lửa. Dự báo cho thấy đến năm 2010 Trung Quốc phải nhập 5 triệu thùng dầu mỗi ngày, nguồn cung cấp dầu mỏ trong nước khan hiếm, cung không đủ cầu, cơn “khát dầu” làm cho Trung Quốc đẩy mạnh quá trình tìm kiếm nguồn cung cấp dầu mỏ ổn định và bền vững. Đến năm 2030, nhu cầu dầu lửa của Trung Quốc sẽ là 10 triệu thùng ngày, đứng thứ 2 thế giới sau Mỹ. Giao thông vận tải và công nghiệp nặng vẫn là những ngành có nhu cầu cao nhất về dầu lửa. Thời điểm hiện tại chưa có nguồn nguyên liệu nào thay thế được dầu lửa trong lĩnh vực giao thông vận tải, lĩnh vực chiếm 60% nhu cầu dầu lửa trong giai đoạn 2002-2025. [9, tr.28]

Sự phân bố không đồng đều và nhu cầu sử dụng dầu lửa gia tăng từng ngày đã dẫn đến hệ lụy là giá dầu liên tục tăng cao và mất ổn định trong thời gian gần đây. Trong năm 2005, giá dầu thế giới liên tục tăng mạnh từ 62,47USD/thùng (9-8-2005) lên 67USD/thùng (12-8-2005). Năm 2006, khi Bắc Triều Tiên thử tên lửa tầm xa thành công giá dầu cũng tăng

vọt nhanh chóng lên đến 75,78 USD/thùng. Trước khi kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, giá dầu có lúc đạt đỉnh điểm 147USD/thùng vào tháng 7 năm 2008. Giá dầu tăng cao là do sự mất cân bằng giữa cung - cầu. Theo báo cáo của IEA vào năm 2009, nhu cầu năng lượng của thế giới sẽ tăng từ 85 triệu thùng/ngày năm 2006 lên 106,6 triệu thùng/ngày vào năm 2030 và giá dầu sẽ giữ mức trên 100USD thùng từ 2013 đến hết thời kì nêu trên [10, tr.21]. Đến năm 2030, các nước OPEC vẫn là khu vực cung cấp dầu lớn nhất thế giới với 44 triệu thùng/ngày chiếm khoảng 40% nhu cầu thế giới. Tốc độ khai thác sẽ tăng 8,3 triệu thùng/ngày trong các thành viên OPEC từ năm 2006 đến năm 2030.

Sau sự kiện 11-9, xung đột giữa Mỹ và các nước Hồi giáo tăng cao. Các quốc gia mà Mỹ xung đột lại là các quốc gia có trữ lượng và quy mô sản xuất dầu lửa nhiều nhất thế giới. Sự mất ổn định về chính trị - kinh tế có nguy cơ diễn ra trên phạm vi toàn cầu, sự tranh giành lợi ích giữa các nước lớn hiện là nhân tố làm giá dầu leo thang. Để bảo đảm cho an ninh năng lượng, các nước trên thế giới đẩy mạnh xây dựng các kho dự trữ dầu chiến lược. Trung Quốc và Ấn Độ tuyên bố sẽ xây dựng kho dự trữ chiến lược bằng nguồn ngoại tệ dồi dào của mình. Năm 2008, Ấn Độ đã công bố kế hoạch xây dựng kho dự trữ chiến lược quốc gia có sức 36 triệu thùng, tương lai sẽ tăng mức dự trữ lên đến 108 triệu thùng. Cùng thời gian nêu trên, Trung Quốc tuyên bố xây dựng 4 cơ sở dự trữ chiến lược ở khu vực

duyên hải là Trấn Hải, Đại Sơn, Đại Liên và Hoàng Đảo. Trong tương lai, một khu dự trữ lớn nhất dự kiến sẽ được xây dựng tại tỉnh Triết Giang với trữ lượng 5,2 triệu mét khối dầu. Mục tiêu dự trữ dầu lửa của Trung Quốc là đáp ứng nhu cầu dầu lửa quốc gia trong 30 ngày nếu xảy ra hiện tượng các nguồn cung ứng bất ngờ bị ngưng trệ (khoảng 300 triệu thùng trong năm 2010). Như vậy, khả năng dự trữ của Trung Quốc và Ấn Độ vẫn ít hơn Mỹ là 118 ngày, ít hơn Nhật Bản là 169 ngày.

Nhu cầu dầu lửa trong sản xuất, sinh hoạt hàng ngày cũng như dự trữ chiến lược của các quốc gia ngày càng tăng cao. Trong khi đó, các nước sản xuất dầu mỏ gần như đạt mức sản xuất trần. Mỏ dầu đang khai thác lớn nhất trên thế giới hiện nay là Ghawar của Arab Saudi với công suất 5 triệu thùng/ngày sẽ không duy trì lâu. Các mỏ dầu quan trọng ở khu vực Trung Đông, biển Bắc Âu cũng đang giảm dần sản lượng khai thác do trữ lượng ngày càng thấp. Riêng các mỏ dầu tại Irắc có trữ lượng lớn nhưng tình hình không ổn định. Tại Iran cũng thế, chính phủ nước này đang đối đầu với phương Tây và bị phương Tây cấm vận. Mặt khác, tình trạng chính trị bất ổn tại Trung Đông luôn đe dọa 6 mỏ dầu lớn nhất là Ghawar, Safaniya-Khafji, Abqaip, Berri, Manifa, Faroozan-Marjan và 17 000km đường ống dẫn dầu mà phần lớn đều nằm lộ thiên.

An ninh của các tuyến đường vận chuyển dầu lửa cũng ảnh hưởng đến an ninh năng lượng thế giới. Đầu tiên là

nguy cơ bị khủng bố của các tuyến đường vận chuyển dầu lửa. Tuyến vận chuyển qua khu vực eo biển Malacca ở Đông Nam Á được xem là huyết mạch của an ninh năng lượng khu vực Đông Á. Con đường nhập khẩu của Trung Quốc và Nhật Bản chủ yếu đi theo 3 tuyến chính: *thứ nhất*, từ Trung Đông - eo Hormuz - eo biển Malacca - eo biển Đài Loan - Trung Quốc-Nhật Bản; *thứ hai*, từ Bắc Phi - Địa Trung Hải - Gibraltar - Mũi Hảo Vọng - eo biển Malacca - eo biển Đài Loan - Trung Quốc - Nhật Bản; *thứ ba*, từ Đông Nam Á - eo biển Malacca - eo biển Đài Loan - Trung Quốc - Nhật Bản. Trong những năm gần đây, eo biển Malacca được xem là khá “nóng” với sự hoạt động của các nhóm hải tặc, nếu như eo biển này bị phong tỏa trong thời gian ngắn do những sự kiện bất ngờ thì kinh tế Trung Quốc và Nhật Bản sẽ bị ảnh hưởng đầu tiên, bởi gần 90% lượng dầu nhập khẩu của hai nước này đi qua ba tuyến đường trên.

Những nhân tố vừa nêu đều ảnh hưởng ít nhiều đến những biến động của an ninh năng lượng trong những năm gần đây. Những nhân tố này, dù trực tiếp hay gián tiếp đều tác động đến kinh tế - chính trị thế giới, trong các báo cáo của IEA hàng năm, tổ chức này đều cảnh báo thế giới vẫn đối mặt với nguy cơ khủng hoảng dầu lửa tiềm ẩn. Những biến động và nguy cơ từ an ninh năng lượng, buộc các quốc gia phải có chính sách điều chỉnh cơ cấu sử dụng năng lượng hợp lí, đồng thời tăng cường hợp tác đầu tư trên lĩnh vực năng lượng nhằm đảm bảo

nguồn cung cấp năng lượng ổn định, bền vững trong hiện tại và tương lai.

2.3. Sự xuất hiện của chính sách ngoại giao năng lượng trong quan hệ quốc tế

Hiện nay, dầu mỏ đã trở thành một loại năng lượng mang tính chiến lược, là “nguồn máu” nuôi sống ngành công nghiệp, an ninh của nó gắn liền với cuộc sống và an toàn của một quốc gia. Trên thực tế, dầu mỏ đã trở thành một “thương phẩm mang tính chính trị chiến lược” [2, tr.31], các quốc gia đang cố gắng tranh giành nguồn tài nguyên này để đảm bảo an ninh quốc gia, thậm chí một số chính trị gia đã tuyên bố “ai chiếm được dầu mỏ, cũng có nghĩa là được cả thế giới”. Các nước lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản và các nước thuộc EU đều tìm mọi cách gây ảnh hưởng hoặc liên doanh hợp tác trên lĩnh vực năng lượng với những khu vực, quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn như Trung Đông, Trung Á, Bắc Phi, Mĩ La-tinh... Thế giới đang chứng kiến cuộc chạy đua ngoại giao dầu lửa giữa các nước lớn làm cho quan hệ quốc tế thêm phức tạp và đa dạng.

Các nước có nhu cầu cao về năng lượng đang tiến hành ngoại giao song phương hoặc đa phương với các khu vực, quốc gia có tiềm năng dầu lửa dồi dào đã góp phần làm rõ khái niệm *ngoại giao năng lượng* hay *ngoại giao dầu lửa* trong quan hệ quốc tế. Các chuyên ngoại giao con thoi của nguyên thủ các nước lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ đến Trung Đông, Trung Á, châu Phi càng làm cho đời sống chính trị thế giới

trở nên nhộn nhịp. Ở lĩnh vực này, Trung Quốc là một ví dụ điển hình. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã đề ra chính sách “đi ra ngoài” để tìm kiếm nguồn dầu lửa đảm bảo cho việc phát triển kinh tế đất nước. Nguyên Thủ tướng Lý Bằng trong “Chính sách năng lượng Trung Quốc” đã chỉ rõ: “Phát triển công nghiệp dầu lửa phải đáp ứng nhu cầu trong nước, đi ra thế giới, lợi dụng tốt hai nguồn năng lượng, hai thị trường. Trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tham gia tích cực vào các loại hình hợp tác với các quốc gia, khu vực, tham gia tìm kiếm khai thác với các quốc gia khu vực trên thế giới, xây dựng được thị trường nhập khẩu ổn định, đảm bảo nguồn cung ứng cho quốc gia” [2, tr.56]. Trên cơ sở đó, từ ngày 31 tháng 8 đến ngày 01 tháng 9 năm 2004, Quốc vụ viện Trung Quốc đã khai mạc Hội nghị toàn quốc tại Bắc Kinh với nhiệm vụ bàn về công tác đối ngoại kinh tế để phát triển Trung Quốc, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã đưa ra phương châm: “dựa trên cơ sở xu thế phát triển kinh tế chính trị thế giới, tình hình phát triển kinh tế xã hội trong nước, chiến lược công tác đối ngoại, đẩy mạnh hơn nhận thức tính quan trọng của công tác đối ngoại kinh tế”⁵. Nguyên tắc chỉ đạo này đã thúc đẩy chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc phát triển sang giai đoạn mới. Trong năm 2004, các nhà lãnh đạo Trung Quốc như Hồ Cẩm Đào, Ngô Bang Quốc, Ôn Gia Bảo, Giả Khánh Lâm, Tăng Khánh Hồng, Hoàng Cúc lần lượt thăm 32 quốc gia, bao gồm châu Á (Việt Nam, Lào, Malaysia, Indonesia,

Pakistan), Trung Đông (kuwait, Iran, Arab Saudi, Aman), châu Âu (Nga, Anh, Hà Lan), Trung Á (Kazakhstan, Kyrgyzstan, Azerbaijan), châu Phi (Sudan, Nigeria, Kenia, Gabong), Nam Mỹ (Venezuela, Peru, Brasil, Chile...)... với mục tiêu chủ yếu là thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược trên lĩnh vực năng lượng. Một mặt, Trung Quốc mở rộng hợp tác với các đối tác mới như châu Phi, Nam Mỹ, Trung Á, mặt khác vẫn duy trì quan hệ với các đối tác truyền thống như Trung Đông, Nga, ASEAN nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra trong chiến lược năng lượng.

Không những đóng vai trò quan trọng với từng quốc gia, năng lượng còn trở thành vấn đề quan trọng đối với các hội nghị mang tính khu vực và quốc tế. Trong những năm gần đây, tại các cuộc họp thường niên, vấn đề dầu lửa và giá dầu đã trở thành nội dung nghị sự chính của các nước trong nhóm G8. Trong cuộc họp năm 2006 tại St. Petersburg (Nga) ngày 16-7 an ninh năng lượng đã trở thành vấn đề được các nước thành viên quan tâm nhất. Trong cuộc họp ngày 7-6-2008 diễn ra tại Aomori, Nhật Bản, năm nước sử dụng năng lượng lớn là Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc yêu cầu các nước sản xuất dầu tăng sản lượng để kiểm soát giá dầu.

Các tổ chức mang tính khu vực khác thì bổ sung vấn đề an ninh năng lượng và hợp tác trong lĩnh vực năng lượng vào chương trình hoạt động của mình. Với vị trí là khu vực có tốc độ phát triển kinh tế thuộc loại cao ở châu Á,

trong những năm gần đây, các nước thành viên ASEAN đã xem năng lượng và an ninh năng lượng là vấn đề quan trọng bậc nhất trong chiến lược phát triển toàn diện của mình. Sự quan tâm này đã được thể hiện rõ nét qua Hiệp định an ninh dầu mỏ khu vực ASEAN (APSA).

Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đã đưa an ninh năng lượng trở thành vấn đề cần hợp tác giữa các nước thành viên. Năm 2000 "Sáng kiến an ninh năng lượng APEC" (AESI) đã được các nước thành viên thông qua với bốn nội dung chính: chia sẻ thông tin về tình hình dầu mỏ; đảm bảo an ninh vận tải đường biển; chia sẻ thông tin trong các trường hợp khẩn cấp; đáp ứng trong các trường hợp khẩn cấp về năng lượng và những kế hoạch dài hạn. Khối APEC đã thành lập nhóm công tác về năng lượng để theo dõi, điều phối vấn đề năng lượng trong các nước thành viên. Ngoài ra, Hội nghị bộ trưởng năng lượng các nước thành viên APEC cũng diễn ra thường xuyên để trao đổi thông tin và tìm ra giải pháp cho vấn đề hợp tác trên lĩnh vực năng lượng.

Để thực hiện được mục tiêu của ngoại giao năng lượng, các nước có nhu cầu lớn về năng lượng đã sử dụng các nguồn Viện trợ phát triển chính thức (ODA) làm công cụ để thu hút các nước có trữ lượng lớn nhưng nền kinh tế còn chậm phát triển. Thái độ của Trung Quốc đối với châu Phi là một điển hình. Những mỏ dầu có trữ lượng lớn được phát hiện ở châu Phi những năm gần đây làm cho cả thế giới đổ dồn sự quan tâm về châu lục

này sau một thời gian dài bị quên lãng. Thông qua nguồn vốn ODA, các nước lớn và Trung Quốc muốn dùng đòn bẩy kinh tế nhằm đảm bảo sự trung thành và lòng tin của các nước châu Phi về vấn đề cung ứng dầu mỏ trong hiện tại cũng như tương lai. Để cụ thể hóa hơn cho chiến lược “châu Phi”, từ ngày 30-01 đến 10-02-2007, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào của Trung Quốc đã công du tám nước châu Phi bao gồm Cameroon, Libia, Sudan, Zambia, Namibia, Nam Phi, Mozambique và Seychelles. Trong các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa lãnh đạo Trung Quốc và lãnh đạo tám nước châu Phi, Trung Quốc cam kết sẽ đẩy nhanh và mạnh nguồn vốn ODA cho tám nước này; ngược lại, tám nước sẽ tạo điều kiện để Trung Quốc đầu tư trong các lĩnh vực kinh tế, trong đó có thăm dò và khai thác dầu mỏ, khí đốt. Dầu mỏ đã trở thành món hàng để các nước thực hiện các cuộc trao đổi, mua bán trên lĩnh vực chính trị. Trước sự hiện diện ngày càng sâu và rộng của Trung Quốc tại “lục địa đen”, Mỹ và Tây Âu cũng đẩy mạnh những hoạt động ngoại giao ở châu Phi vì không muốn mất quyền lợi năng lượng trong tương lai khi các nguồn cấp năng lượng ở các khu vực truyền thống có nguy cơ giảm dần trong tương lai. Như vậy, ngoại giao năng lượng của các nước lớn bao gồm hai nội dung cơ bản: *thứ nhất*, là hành động đảm bảo cho nguồn cung cấp, vận chuyển, tiêu dùng năng lượng của quốc gia và làm lợi cho nền kinh tế; *thứ hai*, hành động ngoại giao năng lượng cũng đại diện cho một nhân tố chính trị nào đó, do

đó vấn đề năng lượng bị lợi dụng, trở thành công cụ cho mục đích ngoại giao. [11, tr.60]

Dầu mỏ và khí đốt làm xuất hiện và tập hợp các lực lượng mới, hình thành quan hệ đối tác chiến lược và những liên minh kinh tế - chính trị trên thế giới. Hiện nay, ngoài Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) ra đời từ năm 1960, nền chính trị thế giới đang dần hình thành những liên minh kinh tế - chính trị mới mà dầu mỏ và khí đốt chính là hạt nhân nối kết. Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) bao gồm: Nga, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Trung Quốc và Uzbekistan và 4 nước thành viên là Iran, Pakistan, Mông Cổ, Ấn Độ là một ví dụ điển hình. Nếu cộng tất cả trữ lượng dầu mỏ của các nước thành viên thì SCO đang nắm trong tay 25% trữ lượng dầu mỏ và khí đốt toàn cầu, với tỉ lệ này thì SCO hoàn toàn có thể chi phối và tác động đến giá cả dầu lửa trên phạm vi toàn cầu.

Tại khu vực Nam Mỹ, Venezuela cũng đang đề xuất thành lập hai liên minh dầu mỏ là PetroCaribe (cho các nước vùng Caribe) và PetroSur (cho khu vực Nam Mỹ). Sự gắn kết này còn được củng cố vì trong tương lai dự án xây dựng đường ống dẫn dầu từ Venezuela đến Argentina sẽ được khởi công. Những động thái này, ngoài mục tiêu kinh tế ra, các nước Mỹ Latinh còn muốn thoát ra khỏi sự kiềm kẹp của Mỹ trong một thời gian dài.

Như vậy, trong những năm đầu thế kỉ XXI năng lượng và an ninh năng

lượng đã trở thành vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Sự mất cân bằng trong kết cấu năng lượng thế giới đã dẫn đến sự mất cân bằng trong khai thác, sử dụng năng lượng của các quốc gia. Trước mắt, dầu lửa và khí đốt vẫn là hai nguồn năng lượng chủ yếu cung cấp cho tất cả mọi hoạt động kinh tế - xã hội mỗi nước. Với vai trò đó, năng lượng sẽ tiếp tục tác động đến quan hệ quốc tế và bàn cờ chính trị thế giới. Những quan hệ phức tạp, đan xen, chông chéo lẫn nhau ở lĩnh vực quan hệ quốc tế đều liên quan đến vấn đề năng lượng. Các quốc gia phát triển và đang phát triển đang cần một nguồn cung cấp năng lượng bền vững, ổn định với giá cả hợp lý, trong khi đó các quốc gia sở hữu trữ lượng năng lượng lớn thì đang sử dụng chúng như một công cụ để trao đổi về mặt chính trị. Nhân tố này đã góp phần hình thành một khái niệm mới trong quan hệ quốc tế - ngoại giao năng lượng, mặc dù hình thành tương đối muộn nhưng ảnh hưởng của khái niệm này vượt xa về quy mô, tính chất và ảnh hưởng so với các lĩnh vực ngoại giao truyền thống. Nói một cách hình ảnh, năng lượng đang là

“nguồn dinh dưỡng” nuôi sống toàn thế giới và với sự phong phú đa dạng các mối quan hệ kinh tế - chính trị liên quan đến vấn đề năng lượng, trong tương lai gần năng lượng và an ninh năng lượng sẽ trở thành bài toán khó cho từng quốc gia và cho cả nhân loại.

Mặt khác, vấn đề năng lượng và an ninh năng lượng đã trở thành vấn đề thực tiễn đang thu hút sự chú ý của chính giới và các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế. Trước diễn biến ngày càng phức tạp của tình hình năng lượng toàn cầu, năng lượng đã, đang và sẽ trở thành nhân tố chi phối nền kinh tế - chính trị thế giới. Nghiên cứu vấn đề năng lượng và an ninh năng lượng trở thành hoạt động mang ý nghĩa thực tiễn trong giai đoạn hiện nay. Đối với các quốc gia đang phát triển việc hoạch định chính sách năng lượng và an ninh năng lượng không những có ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay mà còn mang tính chiến lược trong tương lai. Dựa trên điều kiện thực tế của nền kinh tế và đặc điểm chính trị, các nước lớn đang hoạch định chính sách an ninh năng lượng phù hợp với chính sách đối nội và đối ngoại của quốc gia mình.

¹ BP (Công ty dầu khí Anh Quốc) 2004, Statistical Review of World Energy, trang 4.

² Thùng dầu (barrel) là đơn vị quốc tế sử dụng trên thị trường dầu mỏ thế giới, một thùng dầu bằng 158,97 lít.

³ IEA: Cơ quan Năng lượng quốc tế (International Energy Agency) là cơ quan được Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) thành lập trong thời gian khủng hoảng dầu lửa 1973 với nhiệm vụ điều phối việc cung ứng dầu lửa trong các tình huống khẩn cấp cho các thành viên.

⁴ OPEC: Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ.

⁵ Bài phát biểu khai mạc của Thủ tướng Ôn Gia Bảo trong Hội nghị toàn quốc về công tác đối ngoại kinh tế tổ chức tại Bắc Kinh, được đăng trên *Nhân dân nhật báo* ngày 3 tháng 9 năm 2004.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Phụng Anh (2004), *Điều tra chiến lược năng lượng quốc tế*, Nxb Thời sự, Bản tiếng Hoa.
2. Trần Phụng Anh (2005), *Bàn cờ năng lượng thế giới*, Nxb Thời sự, Bản tiếng Hoa.
3. Trịnh Cường (2005), “Kinh tế thế giới trước “cú sốc” dầu và cuộc đua tìm nguồn năng lượng thay thế”, *Tạp chí Cộng sản*, (22).
4. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai (2005), *Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Ngô Đức Lân (2005), “An ninh năng lượng quốc gia vấn đề cần quan tâm”, *Tạp chí Công nghiệp tiếp thị*, (12).
6. Trần Trọng (2005), “Dầu mỏ và những biến động trong quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, (13).
7. Nguyễn Anh Tuấn (2006), “An ninh dầu lửa: Vấn đề và giải pháp tại các nước Đông Nam Á”, *Những vấn đề kinh tế thế giới*, (5).
8. Thông tấn xã Việt Nam (2005), “Quan hệ Trung - Nhật: nóng về kinh tế, lạnh về chính trị”, Tài liệu tham khảo (1).
9. Commission of the European Communities (2006), *A European Strategy for Sustainable, Competitive and Secure Energy*, Brussels.
10. Energy Information Administration (2006), *International Energy Outlook 2006*, DOE/EIA-0484-June.
11. Stanislav Z.Zhiznin (2005), *Chính trị và ngoại giao năng lượng quốc tế*, Nxb Đại học Sư phạm Hoa Đông. Bản tiếng Hoa.
12. U.S-China economic and security review commission (2003), U.S. Government Printing Office, Washington D.C.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-8-2011; ngày chấp nhận đăng: 24-10-2011)